

TỤC THỜ CÁC VUA HÙNG Ở NÚI NGHĨA LĨNH, TỪ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN ĐẾN BIỂU TƯỢNG VĂN HOÁ VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

PGS. TS. NGUYỄN HỮU THỨC*

Ông Nguyễn Khắc Xương, một nhà địa phương học chuyên nghiên cứu về văn hóa dân gian vùng đất Tổ Phú Thọ, trong một bài viết của mình, đã đưa ra nhận định: “Có thể là vào hồi Trần mạt, làng Trẹo, tên chữ là Triệu Phú đầu tiên xây dựng một đền ở lưng chừng núi Hùng, lấy tên “Hùng Vương Tổ miếu”, sau dân thường gọi là đền Trung”¹.

Nếu khảo sát của ông Nguyễn Khắc Xương là đúng, thì phải đến cuối thời Trần trên núi Nghĩa Lĩnh, hay còn gọi là núi Hùng mới xuất hiện nơi thờ tự phản ánh tín ngưỡng thờ Hùng vương. Trước đó, núi Nghĩa Lĩnh chắc chắn đã xuất hiện các điểm thờ tự liên quan đến tín ngưỡng dân gian phản ánh thế giới quan của người Tày cổ, hoặc Việt cổ liên quan đến nền nông nghiệp trồng lúa nước.

Hệ thống lại các tư liệu ghi chép về các điểm thờ ở núi Nghĩa Lĩnh, chúng ta dễ dàng tìm lại hình thức tín ngưỡng thờ ban đầu của các điểm thờ nói trên. Giáo sư Trần Quốc Vượng từng viết: “Tôi đã từng chứng minh rằng, đền thờ trên núi Đầu Trâu (tức núi Hy Cương, Nghĩa Lĩnh) vốn bản nguyên là đền thờ thần Núi. Bài vị chính ở đền Hùng ghi lời mở “Đột Ngột Cao Sơn” với hai bài vị hai bên tả hữu ghi là “Ất Sơn” (núi phía Đông) và Viễn Sơn (núi xa, núi phía Tây và Tây Bắc)”².

Xuất phát từ quan niệm thế giới đa thần và vũ trụ gồm ba tầng: tầng trời, tầng đất, tầng nước, nên

trong tín ngưỡng cổ, người Việt đặc biệt ngưỡng kính, tôn thờ các vị thần chủ ở ba tầng trên và nhân cách hóa các vị thần ấy là những người mẹ (Mẫu). Vì thế, cho đến hôm nay, ở rất nhiều điểm thờ tự, chúng ta đều bắt gặp tín ngưỡng Tam phủ thờ Mẫu Thiên (Mẹ cai quản cõi trời) mặc áo choàng đỏ; Mẫu Địa (Mẹ cai quản cõi đất) mặc áo choàng xanh và biến thể của Mẫu Địa là Mẫu Thượng Ngàn (Mẹ cai quản núi rừng); Mẫu Thủy, gọi chệch là Mẫu Thoải (Mẹ cai quản cõi nước) mặc áo choàng trắng.

Sau này, tâm thức dân gian của người Việt sáng tạo thêm một cõi nữa, cõi người và tìm cho cõi này một vị thần chủ để tôn kính. Tín ngưỡng về bốn cõi: trời, đất, nước, người được hình thành và trải qua quá trình dài hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc Việt. Tín ngưỡng thờ các thần chủ tự nhiên chịu tác động của vương quyền, đạo quyền, thần quyền (Cao Huy Đỉnh) có xu hướng nhân hóa, lịch sử hóa và địa phương hóa để đáp ứng nhiệm vụ lịch sử mỗi thời kỳ đặt ra, thể hiện ý thức, ý chí, khát vọng của cả cộng đồng dân tộc.

Bơi qua màn sương huyền thoại và lần mở các lớp trầm tích văn hóa, chúng tôi cho rằng, các tụ điểm tín ngưỡng ở núi Nghĩa Lĩnh thực chất phản ánh tâm thức của người dân về một tín ngưỡng bốn cõi đã bị huyền sử hóa, địa phương hóa.

- Đền Thượng, tên gọi là “Kính Thiên linh điện” (điện trên núi để thờ trời), là nơi có liên quan đến thần chủ ở cõi trời. Vị thần chủ đó là ai? Chính là Thánh Gióng, khởi nguyên là vị thần khổng lồ. Giáo

* Ban Tuyên giáo Trung ương

sư Trần Quốc Vượng viết: “Thánh Gióng - Phù Đổng Thiên Vương - lên ba tuổi vươn mình thành người khổng lồ đánh giặc Ân, được thờ nơi đền Thượng của ngọn núi Hy Cương là huyền thoại”³;

- Đền Hạ, tục truyền nơi đây Mẹ Âu Cơ trở dạ sinh một bọc trăm trứng, có liên quan đến thần chủ ở cõi đất;

- Đền Giếng, nơi thờ công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa, trước bàn thờ gian giữa có giếng ngọc, ấy là liên quan đến thần chủ ở cõi nước;

- Đền Trung, tên là “Hùng Vương Tổ miếu” (miếu thờ Tổ Hùng Vương) liên quan đến thần chủ ở cõi người.

Vào thế kỷ XV, dựa vào sách “Dư địa chí” của Nguyễn Trãi, được biết dân ta đã tôn 4 vị thần là “tứ bất tử” trong số bách thần ở nước ta. Đó là Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Từ Đạo Hạnh. 4 vị thần này vốn là các vị thần của Đạo giáo và Phật giáo, được dân tôn vinh và hình thành các trung tâm tín ngưỡng lớn ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Tản Viên ở đền Và, Thánh Gióng ở đền Sóc, Chử Đồng Tử ở đền Dạ Trạch và Từ Đạo Hạnh ở chùa Thày. Tản Viên là thần núi Ba Vi (cõi đất) - một ngọn núi lớn, thường tạo những cơn mưa, thứ cần đầu tiên (“nhất nước”) đối với cư dân trồng lúa nước. Thánh Gióng vốn là vị thần sấm (cõi trời), tạo sấm sét báo mưa, đem đến nguồn phân bón vô hình: “Lúa chiêm lấp ló đầu bờ/Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên”, thứ cần thứ hai (“nhì phân”) đối với cư dân nông nghiệp. Chử Đồng Tử gắn với môi trường nước, lịch sử hóa vị thủy thần (cõi nước). Từ Đạo Hạnh - vị thiền sư (cõi người) đại diện lực lượng thiền sư trong xã hội thời Lý - Trần, coi Phật giáo là Quốc giáo, có ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị và tinh thần của người dân. Như vậy, vào thế kỷ XV, núi Nghĩa Lĩnh chưa trở thành một trung tâm tín ngưỡng lớn ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Trong khi đó, vào thời kỳ này, văn học dân gian, với phương thức truyền miệng, các câu chuyện kể về các vua Hùng đã lan truyền sâu rộng trong dân, đến nỗi Vũ Quỳnh khi viết lời tựa đầu cuốn sách “Lĩnh Nam chích quái” do ông và Kiều Phú biên soạn đã phải viết: “Từ đứa bé hơi sữa đến cụ già bạc tóc đều truyền tụng để tỏ lòng yêu dấu, để tỏ ý chê trách thì tất là có quan hệ đến cương thường, phong hóa, sự bổ ích há lại nhỏ bé ư”. Cả hai nhà Nho Vũ Quỳnh và Kiều Phú đều ý thức được vai trò

quan trọng của các truyện kể về thời Hùng Vương: “Xem truyện họ Hồng Bàng thì hiểu rõ được lai do việc khai sáng ra nước Việt” (tựa Vũ Quỳnh). “Ôi! Nếu trời đã sai chim huyền diệu xuống để sinh ra nhà Thương thì ắt có việc trăm trứng nở ra con, chia nhau đi cai trị nước Nam, truyện họ Hồng Bàng không thể mất được” (Kiều Phú). Truyện họ Hồng Bàng được xếp ở vị trí đầu tiên trong các truyện kể dân gian được sưu tập trong *Lĩnh Nam chích quái*. Câu chuyện Lạc Long Quân sinh ra một bọc, một bọc vỡ ra trăm quả trứng, mỗi quả trứng sinh ra một con trai. Sau đó, 50 người con theo cha xuống biển, 50 người con theo mẹ lên núi về ở đất Phong Châu, suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang, chia nước làm 15 quận. Chia các con ra cai trị, đặt các con còn lại làm tướng văn, tướng võ. Trong khi ở trong nước chưa hình thành một trung tâm tín ngưỡng lớn thờ các vua Hùng thì trong dân đã truyền đời truyện kể về các vua Hùng, nhắc nhở mọi người về cội nguồn sinh ra các dân tộc, các cháu con trên đất nước Việt Nam. Kết thúc câu chuyện: “Trăm người con trai chính là tổ tiên của người Bách Việt vậy”.

Đến thế kỷ XVIII, nhà bác học Lê Quý Đôn, tác giả cuốn sách *Kiến văn tiểu lục* đã xác nhận tục thờ Tổ nước - vua Hùng đã hiện hữu ở núi Nghĩa Lĩnh, sách có đoạn viết: “thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, huyện Sơn Vi là dân tạo lệ ở miếu thờ Thánh Tổ Hùng Vương”.

Thời Hậu Lê, việc tế lễ ở miếu Tổ Hùng Vương vào một ngày tốt lành trong tháng 8 Âm lịch (mùa thu). Điều này phản ánh một nghi lễ nông nghiệp tạ ơn trời đất, cầu mưa thuận gió hòa cho lúa sai bông, cho cây sai trái ở đầu vụ thu hoạch. Vua Hùng trước hết là vị phúc thần của nghề nông, sau đó là người có công đầu dựng nước. Tác giả Vũ Kim Liên viết: “Trên đền Thượng xưa thờ hạt lúa thần, treo mảnh trấu được đục bằng gỗ to như chiếc thuyền câu (bị quân Pháp lấy mất năm 1949), hạt lúa đó là biểu tượng nghề trồng lúa của vua”⁴. Phải đến năm Khải Định thứ hai (1917), triều Nguyễn mới chuẩn định ngày 10 tháng 3 (Âm lịch) là ngày Quốc tế tại miếu Tổ Hùng Vương, trước ngày giỗ Tổ Hùng Vương thứ 18 một ngày và ngày hôm sau (11 tháng 3) là ngày giỗ chính, do dân sở tại làm.

Như vậy, vào thế kỷ XV, núi Nghĩa Lĩnh đã xuất hiện tín ngưỡng thờ vua Hùng, thu hút dân chúng

trong phạm vi làng xã đến hành lễ. Các thế kỷ sau đó, việc thờ vua Hùng có sức lan tỏa, thu hút dân chúng ở nhiều vùng miền, được các triều đại phong kiến triều Lê quan tâm. Đến khi thực dân Pháp tiến hành từng bước xâm lược nước ta, tín ngưỡng thờ Quốc Tổ Hùng Vương ở núi Nghĩa Lĩnh càng được sùng kính và trở thành một trung tâm tín ngưỡng thu hút dân chúng cả nước, là niềm tự hào của mọi con dân nước Việt.

Sở dĩ có hiện tượng như trên là bởi các lý do sau:

- *Thứ nhất*, núi Nghĩa Lĩnh còn gọi là núi Hùng Vương, là nơi thắng địa ở vùng trung du. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép rằng: "Núi Hùng Vương ở xã Hy Cương cách huyện Sơn Vi 12 dặm về phía Đông, cũng gọi là Hy Cương, lại gọi là núi Bảo Thấu, hình thể tròn trĩnh, xanh tốt lạ thường". Núi Hùng là quả núi to nhất, cao nhất (175m so với mặt nước biển), có hình thể đẹp trong quần thể núi non ở khu vực, dân trong vùng còn gọi là núi Cỏ;

- *Thứ hai*, núi Nghĩa Lĩnh là nơi linh thiêng. Từ xa xưa trên núi đã xuất hiện các điểm thờ thần linh. Đó là thần núi, thần sấm (được lịch sử hóa là vị Thánh Gióng), thần nước (ở đền Giếng);

- *Thứ ba*, dân chúng các làng quanh chân núi Nghĩa Lĩnh đã truyền khẩu qua nhiều thế hệ về những truyền thuyết liên quan đến họ Hồng Bàng và các vua Hùng, trong đó có những truyền thuyết gắn với địa danh núi Nghĩa Lĩnh. Đó là các huyền thoại: núi Nghĩa Lĩnh, nơi mẹ Âu Cơ sinh bọc trăm trứng; nơi Thánh Gióng cỡi áo giáp bay về trời (dị bản); nơi Hùng Vương thứ 18 đặt đại bản doanh cùng các Lạc hầu, Lạc tướng bàn việc nước; nơi vua Hùng và Thục Phán dựng hòn đá thể giữ gìn hòa bình;

- *Thứ tư*, các truyền thuyết lưu truyền trong dân gian được hiện thực hóa bằng các điểm thờ tự và lễ hội ở núi Nghĩa Lĩnh. Truyền thuyết hóa thân vào lễ hội và các nghi thức thờ cúng. Lễ hội và nơi thờ, tự tạo môi trường lưu truyền và làm tỏa sáng ý nghĩa của truyền thuyết vào dân chúng;

- *Thứ năm*, miếu Tổ Hùng Vương trên núi Nghĩa Lĩnh đã kế thừa tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là nét văn hoá đặc sắc của người Việt, dấu ấn sâu sắc trong mỗi gia đình. Tín ngưỡng thờ tổ tiên đã được các gia đình người Việt cổ duy trì. Bố mẹ mất đi, con cháu lập

bát nhang đặt lên bàn thờ ở vị trí trang trọng trong nhà, tháng ngày hương khói thờ phụng, hàng năm con cháu tụ về làm giỗ tưởng nhớ người quá cố. Trải qua diễn trình của lịch sử dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được người Việt phát huy trong sinh hoạt của cộng đồng, xuất hiện hình thức tín ngưỡng thờ tổ họ, tín ngưỡng thờ tổ của làng, của xóm và tín ngưỡng thờ tổ của nước. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong tác phẩm *Văn hóa và đổi mới* đã nhận xét: "Từ xa xưa, dân tộc Việt Nam không có tôn giáo theo nghĩa thông thường của nhiều nước khác. Còn nói tôn giáo là thờ cúng thì mọi người đều thờ cúng ông bà, mỗi họ đều thờ cúng tổ tiên, làng thì thờ cúng Thành hoàng và các bậc anh hùng cứu nước, các tổ phụ ngành nghề, các danh nhân văn hóa. Từ góc độ văn hóa, tôi thấy đây là một đặc trưng đáng trọng của con người Việt Nam, ở chỗ nó là sự tưởng nhớ những người có công trong việc tạo lập cuộc sống ngày nay của mọi gia đình và làng xóm". Qua truyền thuyết về họ Hồng Bàng, cha ông ta truyền lại cho con cháu một thông điệp, là mọi người trên đất nước Việt Nam, các dân tộc ở đất nước Việt Nam đều từ một bọc sinh ra, đều là con một nhà mà thủy tổ là bố Rồng, mẹ Tiên và những người mở đầu dựng nước, lập ra nhà nước Văn Lang lịch sử chính là 18 đời vua Hùng. Do vậy, cháu con phải biết ơn, tưởng nhớ, thờ cúng.

Thứ sáu, tục thờ Hùng Vương bắt nguồn từ ý thức dân tộc mạnh mẽ của thời đại, đòi hỏi phải đại đoàn kết toàn dân tộc để chiến thắng thù trong giặc ngoài.

Không phải ngẫu nhiên ở thế kỷ XV, từ thời vua Lê Thánh Tông đã xuất hiện một số nhà Nho ghi chép các truyện dân gian biên soạn thành sách, như *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Việt sử ký toàn thư*. Ngô Sĩ Liên đã hệ thống hóa các thần thoại, truyền thuyết để nói về nguồn gốc dân tộc và thời kỳ dựng nước của các vua Hùng ở phần ngoại ký trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. GS. TS. Kiều Thu Hoạch đưa ra nhận định xác đáng như sau: "So với *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu ở thời Trần, chỉ ghi sử ta bắt đầu từ Triệu Đà, thì bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên chép lịch sử dân tộc bắt đầu từ thời Hồng Bàng, rõ ràng đã tiến hơn hẳn một bước về mặt biên niên sử. Nhưng hơn thế nữa, việc làm của Ngô Sĩ Liên còn chứng tỏ ông đã bắt rễ sâu sắc từ một ý thức dân tộc mạnh mẽ của thời đại. Như mọi người đều biết, dân tộc ta là một dân tộc

“tảo thực” ý thức về một khối cộng đồng dân tộc Việt đã nảy nở từ rất sớm. Đến thời Lý, ý thức ấy đã được củng cố và phát triển già dặn thêm mà về mặt văn hiến nó còn ghi dấu rõ rệt ở *Chiếu dời đô* và *Nam quốc sơn hà* nổi tiếng. Nhưng phải đợi qua 3 lần đánh thắng giặc Nguyên - Mông ở thời Trần và sau 10 năm đánh thắng quân Minh ở thời Lê thì ý thức dân tộc ấy mới thực sự già dặn và chín muồi”⁵.

Lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam luôn đặt ra một vấn đề là để giữ được môi trường hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, các triều đại phong kiến và dân chúng phải xử lý hai việc:

- *Một là, cảnh giác và đương đầu với cuộc xâm lăng từ bên ngoài nước.*

Kể từ năm 938, Ngô Quyền đánh tan cuộc xâm lăng của giặc Nam Hán, chấm dứt gần 1000 năm đất nước bị đô hộ dưới ách thống trị của đế chế phong kiến phương Bắc, đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên độc lập tự chủ, sau đó đất nước ta liên tục phải đương đầu với các cuộc xâm lược lớn. Thời Lý, giặc Tống hai lần; thời Trần, giặc Nguyên Mông ba lần sang cướp nước ta. Thời Hồ, giặc Minh thực hiện cuộc xâm lăng và đặt ách đô hộ 20 năm vô cùng tàn bạo đối với dân tộc ta. *Cáo bình Ngô* của đại văn hào Nguyễn Trãi đã kể tội giặc Minh:

*“Nướng dân đen trên lò bạo ngược
Vùi con đỏ dưới hố tai ương*

.....

*Tát cạn nước Đông hải, không rửa sạch tanh hôi
Chặt hết trúc Nam sơn, chưa ghi đủ tội ác...”*

Tiếp thời Lê là quân Thanh, quân Xiêm sang cướp nước ta. Thời Nguyễn, thực dân Pháp xâm lược và đặt ách đô hộ trên 80 năm. Vì âm mưu của các thế lực bên ngoài luôn luôn muốn thôn tính nước ta nên các triều đại phong kiến phải đề cao cảnh giác. Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn nhận xét: “Suốt từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, nhân dân ta luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ non sông, đất nước. Đó cũng là nỗi trăn trở của những minh quân, những tướng lĩnh của thời kỳ phong kiến, một lòng, một dạ với giang sơn, đất nước. Lý Nhân Tông, lúc sắp mất khuyên: “Các con hãy sẵn sàng giáo mác. Đó là di lệnh của ta. Nếu làm được điều đó, thì ta nhắm mắt sẽ yên tâm với nạn giặc phương Bắc”. Trần Quốc Tuấn trở lại nên khoan sức dân làm kế sâu rễ bền gốc. Lê Lợi nhắn nhủ lại con cháu: “Hãy lo giữ nước từ lúc nước chưa lâm nguy”⁶.

- *Hai là, đấu tranh chống lại mọi mưu toan và*

hành động cát cứ, ly khai, chia cắt đất nước của các thế lực phong kiến trong nước.

Cũng từ năm 938, Ngô Quyền đánh tan cuộc xâm lăng của quân Nam Hán, giành quyền độc lập tự chủ, dân tộc ta còn phải tiếp tục đấu tranh chống các âm mưu và hành động cát cứ, ly khai, chia cắt đất nước. Đinh Bộ Lĩnh phải dẹp loạn 12 sứ quân; triều Lý phải trấn yên thủ lĩnh người Tày (Nùng Trí Cao) định ly khai lập nước Đại Nam, Đại Lịch ở miền Cao Bằng, Tuyên Quang; triều Lê dẹp mưu toan cát cứ của Đèo Cát Hãn ở miền Tây Bắc và nhà Mạc ở Cao Bằng, Lạng Sơn và tình trạng phân tranh vua Lê - chúa Trịnh đàng Ngoài, chúa Nguyễn đàng Trong.

Khi thực dân Pháp hoàn thành xâm lược nước ta, chúng thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc Mường, Thái, Mông, Thượng để dễ cai trị, âm mưu thành lập các xứ tự trị, dùng chính sách ưu đãi dân tộc thiểu số nhằm chia rẽ người Kinh với các tộc người thiểu số ở Việt Nam, mưu toan phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã khẳng định, truyền thống yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc là những nhân tố tạo nên sức mạnh vô định chống thù trong giặc ngoài.

Sau sự áp bức tàn bạo của giặc Minh ở thế kỷ XV, ý thức dân tộc trở dậy cùng với truyền thống văn hóa và bài học lịch sử dựng nước, giữ nước, cha ông ta đã triệt để khai thác những giá trị của tinh thần yêu nước và đại đoàn kết dân tộc để thực hiện các nhiệm vụ lịch sử đặt ra. Đó là một trong những căn nguyên của việc ra đời miếu Tổ Hùng Vương và sự phát triển của tín ngưỡng thờ Tổ Hùng Vương ở núi Nghĩa Lĩnh.

Cần lưu ý thêm rằng, khi thực dân Pháp hoàn thành việc xâm lược nước ta, đặt ra chế độ bảo hộ và thực hiện một loạt chính sách chia để trị, gây chia rẽ, thù oán giữa các dân tộc thì ý thức hướng về cội nguồn dân tộc, về Quốc Tổ Hùng Vương càng mạnh mẽ. Vua Hùng trở thành biểu tượng văn hóa của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để cổ vũ nhân dân đấu tranh giành cho kỳ được độc lập dân tộc thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Thời kỳ này, các nơi thờ tự ở núi Nghĩa Lĩnh được tu tạo, xây mới khang trang, xuất hiện thêm một số công trình có ý nghĩa sâu xa, như xây lăng vua Hùng còn gọi là “mộ Tổ” (1874), tôn tạo cột đá và thổi vào ý



Một ban thờ Hùng Vương ở Phú Thọ - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

nghĩa mới: cột đá thể của An Dương Vương khi được Hùng Duệ Vương truyền ngôi với lời thề: "Nguyện giữ cho non sông muôn thuở vững bền và thờ phụng họ Hùng đời đời không dứt". Lễ hội đền Hùng được tổ chức lớn. Dân chúng cả nước truyền khẩu câu ca dao:

*"Dù ai đi gần đi xa
Nhớ ngày giỗ Tổ tháng Ba mùng Mười
Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng Mười tháng Ba"*

Tục thờ các vua Hùng ở núi Nghĩa Lĩnh đã được Đảng, Nhà nước ta bảo tồn và phát huy cao độ, đồng thời phát triển, mở rộng quy mô đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng thờ Quốc Tổ của nhân dân cả nước. Ngoài các công trình thờ tự, một số thiết chế văn hóa như Bảo tàng Hùng Vương, khu vui chơi giải trí, đền Mẫu Âu Cơ, đền thờ Lạc Long Quân..., được xây dựng trong khu vực quần thể đền Hùng.

Tóm lại, tục thờ các vua Hùng đã phản ánh ý thức dân tộc sâu sắc của các dân tộc trong một quốc gia Việt Nam thống nhất, nhất là trong bối cảnh dân tộc ta luôn luôn phải cảnh giác và đương đầu với các cuộc xâm lăng từ bên ngoài nước và tình trạng cát cứ, chia cắt đất nước của các thế lực phong kiến trong nước.

Tục thờ các vua Hùng ở núi Nghĩa Lĩnh, từ tín ngưỡng dân gian đã được các thế hệ bồi đắp, phát triển trở thành tín ngưỡng thờ Quốc Tổ Hùng Vương - một biểu tượng văn hoá về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, để chiến thắng thù trong, giặc ngoài, không những có giá trị sâu sắc về văn hoá mà còn chứa đựng những giá trị và ý nghĩa sâu xa về chính trị./.

N.H.T

Chú thích:

- 1- "Đền Hùng - giỗ Tổ xưa và nay" của Nguyễn Khắc Xương, in trong sách *Đền Hùng - nơi hội tụ văn hóa tâm linh*, Lê Lưu chủ biên, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2005, Tr. 136.
- 2- "Phú Thọ - vị thế địa - chính trị và bản sắc địa - văn hóa" của GS. Trần Quốc Vượng, in trong sách *Đền Hùng - nơi hội tụ văn hóa tâm linh*, Sdd, Tr. 59.
- 3- Trần Quốc Vượng, *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, thân và tâm thức người Việt*, Nxb. Văn hóa, 1996, Tr. 15.
- 4- "Những kết quả nghiên cứu mới nhất về công dựng nước của các vua Hùng" của Vũ Kim Liên, in trong sách *Đền Hùng - nơi hội tụ văn hóa tâm linh*, Sdd.
- 5- Kiều Thu Hoạch, *Văn học dân gian người Việt - góc nhìn thể loại*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 2006, Tr. 28.
- 6- Đặng Nghiêm Vạn, *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 2001, Tr. 55.